

Tác động của kinh tế thị trường và quá trình hội nhập đến văn hóa làng

Nguyễn Giáo¹

¹ Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: nguyengiao@gmail.com

Nhận ngày 13 tháng 2 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 13 tháng 3 năm 2017.

Tóm tắt: Từ năm 1986 đến nay, trước sự tác động của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập, nông thôn Việt Nam đã có nhiều biến đổi lớn. Trong lĩnh vực văn hóa, sự biến đổi này diễn ra trên nhiều khía cạnh: sinh kế, lối sống, tín ngưỡng... Cư dân nông thôn có tính chủ động và khả năng thích ứng cao trước bối cảnh mới qua việc tích cực tiếp thu những yếu tố văn hóa mới và lựa chọn phát huy một số yếu tố văn hóa truyền thống. Điều này dẫn đến sự hòa trộn các yếu tố công nghiệp - nông nghiệp, nông thôn - đô thị, truyền thống - hiện đại trong văn hóa làng ở nông thôn Việt Nam.

Từ khóa: Hội nhập, kinh tế thị trường, văn hóa làng.

Abstract: Since 1986, under the impacts of the market economy and integration process, the Vietnamese countryside has been undergoing many major changes. In the cultural field, the changes have taken place in various aspects, namely the people's livelihoods, lifestyles and beliefs... Rural inhabitants have been highly proactive and adaptive to the new context via actively absorbing the new cultural factors and selecting to promote a number of traditional ones. That has led to the blends of industrial and agricultural, urban and rural, and traditional and modern factors in the village culture of the Vietnamese countryside.

Keywords: Integration, market economy, village culture.

1. Mở đầu

Trước Đổi mới, mặc dù phần lớn dân cư làm nông nghiệp nhưng nước ta vẫn thường bị đe dọa bởi nguy cơ thiếu đói khi việc sản xuất không đủ đáp ứng nhu cầu cơ bản. Sự hội nhập quốc tế song song với bước chuyển từ nền kinh tế quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường cùng với các

chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn [1] là bước ngoặt đem lại những thay đổi to lớn cho nông thôn nước ta [3], [5], [28]. Mục tiêu công nghiệp hóa đã được xác định ở Việt Nam từ những năm 1960. Tuy nhiên, việc thực hiện nó không đạt hiệu quả do sự giới hạn trong vấn đề hội nhập quốc tế và sự kìm hãm của cơ chế kinh tế quan liêu,

bao cấp. Trong thời kì Đổi mới, với sự mở rộng quan hệ đối ngoại và thực hiện nền kinh tế thị trường thì việc đưa Việt Nam từng bước phát triển, trở thành một nước công nghiệp hiện đại có điều kiện để hiện thực hóa.

Quá trình hội nhập và thực hiện nền kinh tế thị trường đã làm thay da đổi thịt nông thôn Việt Nam. Nó là tác nhân của xu hướng đô thị hóa², hiện đại hóa làng xã Việt trong thời gian qua. Kinh tế nông thôn nước ta với nhiều khu công nghiệp, các cụm công nghiệp/dịch vụ cùng cụm làng nghề được hình thành và phát triển đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng gắn với thị trường và tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Điều đó kéo theo sự chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp, nông thôn sang khu vực công nghiệp/dịch vụ, đô thị, đồng thời tính hiện đại hóa và thị trường hóa được gia tăng ngay trong sản xuất nông nghiệp và kinh tế làng xã. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của nông thôn ngày càng hiện đại hơn, bộ mặt làng xã có những thay đổi sâu sắc, nông dân tiếp cận gần với các nhu cầu sinh hoạt của thành thị và đời sống vật chất cũng như tinh thần của họ đang có những chuyển biến lớn. Bài viết phân tích những ảnh hưởng của kinh tế thị trường và quá trình hội nhập đến văn hóa làng ở nông thôn Việt Nam trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

2. Tác động tới sinh kế

Làng Việt trong lịch sử chủ yếu làm nông nghiệp. Những nghề phi nông nghiệp mà hầu như làng nào cũng có [41] thường được coi là nghề phụ và được làm lúc nông nhàn. Dù nhiều làng nghề xuất hiện, nhất là ở Bắc

Bộ (làng đồng Quảng Bố, làng sơn Đình Bảng, giấy Đông Cao, rèn Đa Hội, pháo Đồng Kỵ, dệt Cẩm Giang...) nhưng không nhiều làng bỏ hẳn việc đồng áng. Cùng với quá trình hội nhập và kinh tế thị trường là quá trình chuyển đổi sinh kế mạnh mẽ đối với nông thôn và người nông dân Việt. Từ năm 1990 đến 2013, tỷ trọng lao động ngành nông nghiệp nước ta đã giảm từ 73% xuống còn 46,9%, tỷ trọng lao động ngành công nghiệp tăng từ 11,2% lên 21,1%, tỷ trọng lao động ngành dịch vụ tăng từ 15,8% lên 32% [2, tr.86].

Một xu hướng lớn đang diễn ra ở những vùng nông thôn vốn chủ yếu làm nông nghiệp hiện nay là số lượng đáng kể người dân rời quê lên thành phố làm việc. Các nghiên cứu của Đặng Nguyên Anh, Goldstein và McNally [45], Adger và cộng sự [43], Agergaard và Vũ Thị Thảo [44]... cho thấy, xu hướng này đang gia tăng theo thời gian. Giữa bối cảnh nguồn thông tin về việc làm trở nên phong phú và dễ tiếp cận, điều kiện giao thông thuận lợi hơn và nhu cầu cuộc sống ngày một cao, trong khi nghề nông truyền thống lại không thể giúp duy trì một thu nhập mong muốn, có rất nhiều người đã và đang gia nhập vào đội ngũ lao động di cư và các khu chế xuất công nghiệp là sự lựa chọn phổ biến của họ. Ngoài ra, họ cũng hướng đến những công việc mang tính dịch vụ tại thành phố, phù hợp với kinh nghiệm và điều kiện của bản thân (buôn bán nhỏ, xây dựng, giúp việc nhà...). Ở khu vực nông thôn miền Bắc, do bình quân diện tích đất canh tác nông nghiệp trên đầu người thấp nên việc sản xuất không đòi hỏi công lao động lớn, một thời gian dài nhiều người đã chọn giải pháp ly hương mà không ly nông. Tuy nhiên, hiện không ít người đã trả hoặc bỏ hẳn

ruộng. Theo thống kê gần đây của Cục Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), các tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa và Nghệ An có 2.012ha đất ruộng bị người dân bỏ hoặc trả lại chính quyền, trong đó có 6.040 số hộ bỏ ruộng, 2.009 số hộ trả ruộng [54]. Nguồn lao động trẻ di cư ồ ạt đã khiến một số làng xã ở các tỉnh Thái Bình, Hà Tĩnh... hầu như chỉ còn lại người cao tuổi và trẻ em. Trong số người di cư còn có một tỉ lệ đáng kể đi xuất khẩu lao động. Thậm chí, có thôn 100% hộ gia đình có người lao động ở các nước Đông Á như thôn Hoàng Xá, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa dẫn đến sự chuyển đổi mục đích sử dụng đất đai; đó cũng là một trong những tác nhân khiến sinh kế nông thôn chuyển đổi. Trên cả nước, từ năm 1990 đến 2003 có 697.410ha đất bị thu hồi để phục vụ cho các mục đích phi nông nghiệp [26, tr.35]. Trong thời gian từ năm 2001 đến 2005 đã có tới 366.000ha đất nông nghiệp được chuyển thành đất đô thị và công nghiệp, ảnh hưởng đến khoảng 950.000 lao động nông nghiệp nói riêng khoảng 2.500.000 người dân ở nông thôn nói chung [14]. Nếu vào năm 2005, Việt Nam có 130 khu công nghiệp lớn với xấp xỉ 26.500ha đất [38, tr.50] thì đến giữa năm 2016, có tới 316 khu công nghiệp lớn với 88.600ha đất [51]. Phần lớn các khu công nghiệp này là do nước ngoài đầu tư. Nhìn chung, các khu/cụm công nghiệp thường được xây dựng ở nơi có điều kiện về giao thông, nhân lực và thị trường. Đây là một lí do khiến đồng bằng sông Hồng dần dần về tỷ lệ diện tích đất được chuyển đổi mục đích sử dụng. Rất nhiều dự án xây dựng khu công nghiệp được thực hiện trên quỹ đất nông nghiệp của vùng,

nhất là ở Hải Dương, Bắc Ninh và Hà Nội (bao gồm cả khu vực Hà Tây cũ). Trong bối cảnh mô hình tập trung theo khu/cụm là xu thế chính của chiến lược phát triển công nghiệp nước ta sau Đổi mới, quá trình chuyển đổi nhanh theo xu hướng phát triển công nghiệp nặng và công nghệ cao được xem là một trong những nguyên nhân làm gia tăng việc thu hồi đất nông nghiệp nơi đây [36, tr.84-86]. Khi đất nông nghiệp được lấy để xây dựng các khu công nghiệp hay thương mại, nông dân tại chỗ được ưu tiên tuyển dụng để thành công nhân viên của các khu công nghiệp/thương mại đó³.

Ngoài ra, còn có một dạng chuyển đổi sinh kế tại chỗ dựa trên việc khai thác, phát huy thủ công nghiệp truyền thống ở các làng nghề. Cùng với khu công nghiệp tập trung, sự chuyển đổi này là một trong những mô hình phát triển nổi bật của thực tiễn công nghiệp hóa/đô thị hóa ở nông thôn Việt Nam. Thủ công nghiệp truyền thống ở các làng nghề được xem là nguồn lực văn hóa gắn liền với bản sắc địa phương và có vai trò đặc biệt trong phát triển kinh tế nông thôn thời gian qua. Có thời điểm (2004-2005), các làng nghề thu hút tới 13 triệu lao động, trong đó có 35% lao động thường xuyên [52]. Những làng nghề có truyền thống lâu đời của nước ta chủ yếu tập trung ở khu vực Bắc Bộ. Theo thống kê, riêng Hà Nội có 1.350 làng nghề, chiếm xấp xỉ 60% tổng số làng nghề của cả nước và trong đó có 244 làng nghề truyền thống [53]. Ngay sau Đổi mới, các nghề truyền thống đã có sự trở lại và phát triển. Điều này có nguyên nhân từ góc độ quản lí nhà nước và cả phía người dân. Với nhu cầu phát triển kinh tế, người dân ở các làng quê đã đa dạng hóa sinh kế bằng việc khai thác nguồn lực có sẵn và nghề truyền thống. Sự tận dụng thế

mạnh vốn có đó cũng được Nhà nước khuyến khích, vì nó không những góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, mà còn góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của mỗi vùng miền. Dân cư một số làng nghề, bên cạnh việc kinh doanh sản phẩm thủ công truyền thống, còn chủ động biến làng thành một địa điểm du lịch. Việc này khiến họ có thêm thu nhập, mặt khác lại phần nào mở rộng được thị trường cho sản phẩm của mình.

Mặc dù vẫn có những hạn chế khó tránh khỏi [12], [31], [32], song việc chuyển đổi sinh kế ở nông thôn nước ta là xu hướng tất yếu và ngày càng gia tăng trong bối cảnh hội nhập. Điều này dẫn đến việc cơ cấu xã hội ở một số làng xã ngày càng ít đi tính thuần nhất với sự xuất hiện nhiều nhóm nghề nghiệp khác nhau.

Việc chuyển đổi sinh kế trong bối cảnh mới ở Việt Nam là tình trạng chung của các nước đang phát triển. Rigg đã chỉ ra nhiều biểu hiện của điều này ở người nông dân Đông Nam Á (hiện tượng đa dạng hóa nghề nghiệp trở nên phổ biến, thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp tăng lên, cuộc sống có tính di động hơn) [47]. Chiến lược quan trọng trong chuyển đổi sinh kế của người nông dân ở các làng quê cần được đề cập đến là khởi tạo, duy trì và phát triển mạng xã hội nhằm xây dựng vốn xã hội. Điều này dẫn đến một hiện tượng thú vị, đó là sau giai đoạn tồn tại của mô hình kinh tế “hợp tác xã”, người ta đã chứng kiến sự phục hồi, gia tăng rất mạnh mẽ các quan hệ xã hội truyền thống. Nhiều nhà nghiên cứu nhận định rằng, sự phục hồi các quan hệ xã hội truyền thống, bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu tinh thần của người dân, có nguyên nhân quan trọng là sự trở lại của kinh tế hộ gia đình. Vì mỗi gia đình là đơn vị kinh tế,

đồng thời là đơn vị xã hội và tiếp tục tồn tại trong cộng đồng làng xã chứ không tách rời [10], [24], [33]. Việc phát triển các quan hệ xã hội truyền thống hiện nay xuất phát từ một nguyên nhân lớn là nhu cầu của người dân trong việc tìm kiếm “vốn” cho mục đích phát triển kinh tế [30], [46].

3. Tác động tới lối sống

Về tính chất của làng xã Việt xưa, một số nhà nghiên cứu nhận định rằng, nó mang tính khép kín, tự cấp tự túc, còn người nông dân thiên về duy tình, cộng cảm [4], [9], [11], [16], [49]... Một số lại cho rằng, nó mang tính cạnh tranh, mâu thuẫn, còn người nông dân thiên về duy lý, cá nhân [39], [48]... Gần đây, quan điểm trung hòa trở nên chiếm ưu thế. Trần Quốc Vượng nhận định, ngoài một chủ nghĩa cộng đồng, hệ ý thức Việt Nam cổ truyền còn có cả chủ nghĩa cá nhân tiểu nông [40]. Trần Ngọc Thêm đánh giá, cộng đồng và tự trị là hai đặc trưng căn rễ dẫn đến tính nước đôi của người nông dân Việt: vừa có tinh thần đoàn kết tương trợ, vừa có óc tư hữu, ích kỉ và thói cào bằng; vừa có tính tập thể hòa đồng lại vừa có tính bè phái, địa phương; vừa có tính cần cù, tự lập lại vừa có thói dựa dẫm, ỷ lại... [37]. Tô Duy Hợp [15] và Lương Hồng Quang [27] cho rằng, làng xã Việt mang những đặc trưng kép là tự trị và phụ thuộc, tự cung tự cấp và thị trường, đồng thuận và xung đột, biệt lập và giao lưu. Sự đồng thuận trong các quan hệ xã hội là hằng số chính, còn xung đột là hằng số phụ, và ở những làng hỗn hợp hoặc có hơi hướng phi nông như làng nghề, làng buôn hay làng ven đô thì những căn tính thuộc hằng số phụ bộc lộ mạnh hơn.

Giai đoạn sau Đổi mới, quá trình hội nhập và kinh tế thị trường đã tác động đáng kể đến lối sống của người nông dân trong môi trường làng xã. Trong lịch sử, chưa bao giờ quá trình hội nhập quốc tế có tác động mạnh mẽ đến đời sống làng xã Việt Nam như hiện nay. Mặc dù, nước ta đã từng trải qua những cuộc tiếp xúc với văn hóa bên ngoài: văn hóa Trung Hoa (thời cổ trung đại), văn hóa Pháp (thời cận đại), văn hóa Mỹ (thời hiện đại), văn hóa Nga (thời hiện đại)... nhưng những tác động của các nền văn hóa đó dường như tập trung vào tầng lớp trên hơn là vào bình dân (chủ yếu là nông dân). Trong một nghìn năm Bắc thuộc, đằng sau lũy tre làng, người nông dân Việt về cơ bản vẫn sống cuộc sống của riêng mình và thường được mô tả là “mất nước mà không mất làng”. Thời cận đại, nền văn hóa mà người Pháp mang đến cũng không ảnh hưởng đáng kể đến dân cày, trong đó phần lớn là những người mù chữ, nhất là vì nhà nước thực dân lại muốn duy trì gần như nguyên vẹn thiết chế làng xã cổ truyền để phục vụ cho mục đích chính trị. Thời hiện đại, khi nước ta chịu ảnh hưởng của Mỹ cùng phương Tây (trước năm 1975) và Liên Xô cùng Đông Âu (trước năm 1991), vẫn có một khoảng cách lớn giữa nền văn hóa của những nơi này với người nông dân Việt Nam. Trong những năm qua, trước làn sóng cách mạng thông tin, sự hội nhập của Việt Nam với thế giới đã diễn ra nhanh chóng. Qua các phương tiện truyền thông, thiết bị công nghệ hiện đại, người nông dân Việt Nam đang gắn kết hơn với những gì diễn ra khắp toàn cầu. Bên cạnh đó, cùng xu hướng di động xã hội mạnh (xâm nhập vào các đô thị để mưu sinh), người nông dân ngày càng có nhiều cơ hội tiếp xúc với môi trường bên ngoài

mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình. Lối sống thuần phác làng quê, vì thế, dần bị thay thế bởi lối sống mang nhiều tính hiện đại, điều này biểu hiện rõ ở khu vực làng ven đô [8], [22]. Làng Việt trở nên mở hơn và người dân làng không còn bó hẹp cuộc sống của mình bên “cây đa”, “giếng nước”, “mái đình”... Công cuộc Đổi mới xuất hiện đã chấm dứt sự tồn tại của nền kinh tế kế hoạch hóa và nhanh chóng thay thế nó bằng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Đó là một sự kiện có tính bước ngoặt. Trong quá khứ, người nông dân không phải hoàn toàn không biết đến kinh tế hàng hóa, nhưng đó là một nền kinh tế hàng hóa còn “giản đơn” [23, tr.247]. Cái mà giờ đây người nông dân, nhất là nông dân Bắc Bộ, đối diện không phải là nền kinh tế thị trường mang tính chất nhỏ bé, manh mún trước Cách mạng tháng Tám mà là một nền kinh tế thị trường quy mô lớn. Việc chuyển đổi từ nền sản xuất nông nghiệp mang tính tự cấp, tự túc sang nền sản xuất nông nghiệp mang tính hàng hóa đã thúc đẩy lối sống năng động, cởi mở của người nông dân. Trong môi trường làng xã, các giá trị mới hướng đến việc đề cao con người cá nhân của chủ nghĩa tư bản, được thừa nhận bên cạnh những giá trị truyền thống hướng đến tính cộng đồng vốn đã tồn tại từ bao đời nay. Những điều đó khiến người nông dân quan tâm nhiều hơn đến đời sống vật chất/chủ nghĩa tiêu dùng. Kinh tế thị trường khiến mức sống người dân được nâng cao nhưng nó cũng kéo theo sự phân hóa giàu nghèo cũng ngày càng rõ rệt và hệ quả là mâu thuẫn xã hội cũng gia tăng.

Quá trình hội nhập và kinh tế thị trường tác động đến lối sống của người nông dân qua sự tác động toàn diện đến con người của họ. Thời kì Đổi mới đã khiến người

nông dân có sự biến đổi mạnh mẽ trên các mặt nhu cầu, nhận thức, tình cảm, năng lực, tâm lý... [20]. Về những biến đổi trong nhu cầu, người nông dân không còn dừng lại ở những nguyện vọng bình dị, đơn giản trong đời sống vật chất và tinh thần như trước kia mà đã hướng tới sự hưởng thụ một cuộc sống có chất lượng cao hơn (thể hiện ở việc xây dựng nhà cửa, mua sắm thiết bị gia dụng, đi du lịch, thưởng thức các hoạt động giải trí...). Về những biến đổi trong nhận thức, dễ nhận thấy người nông dân ngày càng có ý thức gia tăng hiểu biết của bản thân về khoa học kỹ thuật, về thị trường tiêu thụ cũng như về các chính sách có liên quan của quốc gia và quốc tế để kịp thời thích ứng. Điều này thúc đẩy sự tự chủ, năng động, sáng tạo ở họ cũng như thúc đẩy họ dịch chuyển mạnh hơn từ tư duy cảm tính sang tư duy lý tính. Một hệ giá trị mới trong việc đánh giá con người đã xuất hiện trong quá trình hội nhập. Kết quả khảo sát ở một số làng xã như Đình Bảng (Bắc Ninh), Đông Xá (Thái Bình)... cho thấy, người dân xem một trong những phẩm chất quan trọng nhất của con người lý tưởng là biết làm giàu, tức giỏi làm kinh tế [20, tr.201]. Về sự biến đổi trong tình cảm, việc người nông dân ngày càng có ý thức mạnh mẽ về “cái tôi”, điều này dẫn đến sự gia tăng của chủ nghĩa cá nhân bên cạnh sự tồn tại của chủ nghĩa cộng đồng truyền thống.

4. Tác động tới tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội

Các tôn giáo, tín ngưỡng quen thuộc với người Việt như đạo thờ tổ tiên, đạo Phật, đạo Mẫu... đều rất phổ biến ở nông thôn, nhất là vùng Bắc Bộ. Bên cạnh đó, còn có

sự tồn tại của những tôn giáo, tín ngưỡng du nhập vào từ phương Tây ở một số địa phương. Người Việt có rất nhiều lễ hội cổ truyền (hầu như mỗi làng đều có lễ hội riêng), mà một số lớn trong đó có mối quan hệ với tôn giáo và tín ngưỡng. Các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội gắn bó với đời sống của người dân một cách hữu cơ, sâu sắc.

Trước Đổi mới, dưới góc nhìn tiến hóa luận, không ít tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội bị lên án như là tàn dư của xã hội cũ. Thậm chí, giai đoạn này nhiều hình thức cầu cúng, lễ bái còn bị coi là mang tính lừa đảo. Quan điểm đó đã khiến cho một số tôn giáo tín ngưỡng bị hạn chế hoặc bị triệt tiêu, nhiều cơ sở/di tích tôn giáo bị phá hủy, và nhiều lễ hội dân gian mai một rồi biến mất. Tuy nhiên, sau Đổi mới, một số tôn giáo, tín ngưỡng và đặc biệt là lễ hội đã “sống lại”. Không những được phục hồi, các tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội còn được bồi đắp nhiều yếu tố mới thông qua việc nhấn mạnh nét đặc thù và bản sắc địa phương để thu hút thêm tín đồ cũng như du khách. Khi tìm hiểu đời sống tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội ở nông thôn trong bối cảnh đô thị hóa và kinh tế thị trường, Suenary [29] và Lê Hồng Lý [21] cũng cho rằng, những vận động của tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội ở Việt Nam là do chính sách mở cửa của nhà nước cùng sự tăng trưởng kinh tế đem lại. Tuy nhiên, việc phát triển nở rộ của các tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội đã dẫn đến những lộn xộn nhất định và nhà nước đã có những can thiệp: “Việc cho phép mở hội và duy trì lễ hội truyền thống tức là nhà nước tạo điều kiện để nhân dân giữ gìn thuần phong mỹ tục. Những gì trái với thuần phong mỹ tục cũng tức là phi văn hóa. Các tệ nạn xã hội thường lợi dụng cơ hội khi có đám đông

quần chúng len lỏi hoạt động. Ví như cờ bạc, rượu chè, ma túy, lên đồng, nhập hồn, gọi hồn, tranh khách, giành giật khách... tuyên truyền mê tín dị đoan để làm các trò bịp bợm, buôn thần bán thánh... cần phải nghiêm cấm”⁴.

Thực tế, sự phát triển bùng nổ của tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội trong xã hội đương đại cho thấy, nhu cầu tái cấu trúc văn hóa của người dân sau một thời gian dài các thực hành văn hóa quen thuộc của họ bị ngắt quãng, cấm cản. Tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội là những thiết chế văn hóa gần gũi với người nông dân, nhưng đã bị giải thể, bài trừ dưới thời kì kinh tế kế hoạch hóa để nhường chỗ cho những thiết chế “phù hợp hơn”. Khi mô hình hợp tác xã không còn tồn tại nữa, người ta sẽ quay trở lại với những thiết chế cũ đã từng làm nên môi trường sống của họ. Những thiết chế này sẽ được chọn lọc, sửa đổi, bổ sung... để đáp ứng những nhu cầu của người dân trong bối cảnh mới. Đó có thể là nhu cầu về tinh thần hay vật chất. Về vấn đề này, một số nhà nghiên cứu đã tập trung tìm hiểu những ứng xử linh hoạt của người dân (chủ thể của tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội) với di sản để qua đó chỉ ra những động lực thúc đẩy sự vận động của một hiện tượng văn hóa sau Đổi mới [21], [50].

Mặt khác, sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ của tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội có nguyên nhân rất quan trọng là nhu cầu tìm kiếm chỗ dựa về tinh thần trong một xã hội đầy rủi ro. Hội nhập và kinh tế thị trường khiến đời sống của người dân ở nông thôn được nâng cao nhưng nó cũng tỉ lệ thuận với những bất ổn trong cuộc sống. Trước đây, người nông dân Việt sống trong làng xã và được che chở trong làng xã nhờ một nền kinh tế đạo lý [49]. Cuộc sống có

thể nghèo đói và vất vả, song sự đoàn kết, đùm bọc của thân tộc và láng giềng luôn là chỗ dựa đầy tin cậy cho mỗi con người. Có nhiều ý kiến cho rằng, người dân “có thể dựa vào thiết chế của làng, tinh thần cộng đồng, tình nghĩa bà con xóm làng mà sống, không cần ra khỏi làng” [17, tr.20] và làng “là một hệ thống được biểu trưng về một sự an toàn xã hội vững chắc nhất” [7, tr.91]. Sau Đổi mới, dưới tác động của hội nhập và kinh tế thị trường, với sự di động xã hội cao, nhiều người nông dân bứt khỏi sự che chở của làng và phải đối mặt với những bấp bênh, bất trắc của cuộc mưu sinh. Việc người nông dân bước ra khỏi môi trường quen thuộc để kiếm sống đồng nghĩa với việc họ phải đối mặt với những thử thách khắc nghiệt mà không có cộng đồng nào làm lá chắn. Chưa kể đến những hệ lụy khác của sự di động xã hội như rủi ro đối với hôn nhân, sức khỏe và cả tính mạng của con người, những hệ lụy này còn tác động đến cả những cư dân nông thôn ở lại. Người nông dân trước đây chỉ cần mưa thuận gió hòa là yên ổn, nhưng ngày nay, có nhiều yếu tố tác động đến kết quả lao động của người nông dân. Khi nông phẩm là hàng hóa, thì mọi biến động của thị trường nội địa hay quốc tế đều ảnh hưởng đến người nông dân. Taylor nhận định rằng, cảm giác lo âu trước những biến động của thị trường là cái khiến nhiều người tìm kiếm chỗ dựa về tinh thần ở các thể lực siêu tự nhiên [50]. Salemink cũng cho rằng: “điều thực sự mang lại cảm giác dễ tổn thương và bất an kinh tế sâu sắc chính là ảnh hưởng của các lực lượng thị trường hay thay đổi hoặc những quyết định kinh doanh sai lầm không giải thích được, những tác động diễn ra mà không thể nhận thức hoặc dự đoán được” [35, tr.9].

5. Kết luận

Những chủ nhân của làng xã một mặt có xu hướng tiếp thu hoặc tạo ra những yếu tố văn hóa “mới”, mặt khác lại có xu hướng phục hồi những yếu tố văn hóa “cũ” mà họ nhận thấy phù hợp với hoàn cảnh. Họ đã có sự lựa chọn khá chủ động để thích nghi với những yêu cầu của việc sống trong một xã hội chuyển đổi và đáp ứng những nguyện vọng bản thân ngày một phong phú, đa dạng cả vật chất lẫn tinh thần. Dưới tác động của quá trình hội nhập và nền kinh tế thị trường, việc cư dân làng xã Việt tiếp tục sáng tạo những giá trị văn hóa mới bên cạnh sự tái khẳng định một số giá trị văn hóa lâu đời là điều có thể dự báo. Quá khứ và hiện tại sẽ đồng hành với người nông dân trên con đường đến với tương lai.

Chú thích

² Trước đây, khái niệm đô thị hóa chỉ sự tập trung không ngừng của dân cư vào các vùng đô thị, còn hiện nay, nó chỉ sự biến đổi của các xã hội từ sống dựa vào sản xuất nông nghiệp sang phi nông nghiệp [35].

³ Sau đó không phải tất cả đều tiếp tục làm công việc này. Một số người, do không phù hợp, đã chuyển sang công việc khác [43].

⁴ Điều 2, Kế hoạch hướng dẫn thực hiện Quy chế lễ hội ban hành ngày 7 tháng 5 năm 1994 của Bộ Văn hóa Thông tin.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban chỉ đạo Đề án nông nghiệp - nông dân - nông thôn (2008), *Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn thời kì 1997-2007*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm Đổi mới (1986-2016)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Văn Bích (2007), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau hai mươi năm Đổi mới: Quá khứ và hiện tại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Đồng Chi (1978), “Vài nét về biện pháp cứu tế tương trợ trong làng xã Việt Nam trước Cách mạng”, *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử (nghiên cứu xã hội nông thôn truyền thống)*, t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Sinh Cúc (2003), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kì Đổi mới 1986-2002*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện đại hội Đảng thời kì Đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Đỗ Thái Đồng (1995), “Làng hiện thực và biểu trưng”, *Làng xã ở châu Á và ở Việt Nam* (Mạc Đường chủ biên), Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [8] Ngô Văn Giá (chủ biên), Lương Văn Khuê, Nguyễn Duy Bắc (2007), *Những biến đổi về giá trị văn hóa truyền thống ở các làng ven đô Hà Nội trong thời kì Đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Gourou, P. (2003), *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [10] Mai Văn Hai, Phan Đại Doãn (2000), *Quan hệ dòng họ ở châu thổ sông Hồng: Qua hai làng Đào Xá và Tứ Kỳ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [11] Diệp Đình Hoa (2000), *Người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

- [12] Hoàng Văn Hoa (2006), “Tác động của đô thị hóa đối với lao động, việc làm của người có đất bị thu hồi ở nước ta hiện nay”, Tạp chí *Kinh tế và phát triển*, số 106.
- [13] Hoàng Ngọc Hòa (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [14] Văn Hoài (2007), “Cần làm rõ hiện trạng chuyển đổi đất nông nghiệp”, Báo *Nông thôn ngày nay*, 177: 1, 6.
- [15] Tô Duy Hợp (chủ biên) (2003), *Định hướng phát triển làng - xã đồng bằng sông Hồng ngày nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [16] Nguyễn Văn Huyền (2000), *Văn minh Việt Nam*, trong *Nguyễn Văn Huyền toàn tập*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [17] Trần Đình Hượu (1989), “Làng - Họ: những vấn đề của quá khứ và hiện tại”, Tạp chí *Xã hội học*, số 3.
- [18] Lương Văn Hy (1994), “Cải cách kinh tế và tăng cường lễ nghi tại hai làng ở miền Bắc Việt Nam”, *Những thách thức trên con đường cải cách ở Đông Dương*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [19] Kleinen, J. (2007), *Đối diện tương lai, hồi sinh quá khứ: Nghiên cứu biến đổi xã hội ở một làng Bắc Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [20] Đỗ Long (2000), *Quan hệ cộng đồng và cá nhân trong tâm lý nông dân*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [21] Lê Hồng Lý (2008), *Sự tác động của kinh tế thị trường vào lễ hội tín ngưỡng*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [22] Nguyễn Hữu Minh (2003), “Đô thị hóa và sự phát triển nông thôn ở Việt Nam - Một số vấn đề cần quan tâm nghiên cứu”, Tạp chí *Xã hội học*, số 3.
- [23] Nguyễn Quang Ngọc (1993), *Về một số làng buôn ở đồng bằng sông Hồng thế kỉ XVIII - XIX*, Hội Sử học Việt Nam xuất bản, Hà Nội.
- [24] Nguyễn Quang Ngọc (2009), *Một số vấn đề làng xã Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [25] Lê Quang Phi (2007), *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong thời kì mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [26] Lê Du Phong (2007), *Thu nhập, đời sống, việc làm của người có đất bị thu hồi để xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, các công trình công cộng phục vụ lợi ích quốc gia*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [27] Lương Hồng Quang (2010), “Các tổ chức phi quan phương trong làng - xã vùng châu thổ Việt”, *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, q.1, Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [28] Đặng Kim Sơn (2006), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, 20 năm Đổi mới và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [29] Suenary, M. (1996), “Sự phục hưng của tín ngưỡng dân gian Việt Nam”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 3.
- [30] Nguyễn Duy Thắng (2007), “Sử dụng vốn xã hội trong chiến lược sinh kế của nông dân ven đô Hà Nội dưới tác động của đô thị hóa”, Tạp chí *Xã hội học*, số 4.
- [31] Đặng Văn Thắng, Phạm Ngọc Dũng (2003), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng: Thực trạng và triển vọng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [32] Hoàng Bá Thịnh (2010), “Vấn đề lao động, việc làm của người nông dân trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa”, *Những vấn đề kinh tế - xã hội ở nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [33] Nguyễn Đức Truyền (2003), *Kinh tế hộ gia đình và các quan hệ xã hội ở nông thôn đồng*

- bằng sông Hồng trong thời kì Đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [34] Nguyễn Đức Truyền (2012), “Đô thị hóa và biến đổi xã hội tại các làng nông thôn ngoại thành Hà Nội”, Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 9.
- [35] Salemin, O. (2010), “Tìm kiếm an toàn tinh thần trong xã hội Việt Nam đương đại”, *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học* (Nhiều tác giả), q.2, Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [36] Nguyễn Văn Sửu (2014), *Công nghiệp hóa, đô thị hóa và biến đổi sinh kế ở ven đô Hà Nội*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [37] Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [38] Vũ Đình Tôn, Nguyễn Thị Huyền, Võ Trọng Thành (2007), “Thách thức đối với sinh kế và môi trường sống của người nông dân vùng chuyển đổi đất cho khu công nghiệp”, Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*, số 351.
- [39] Trần Từ (1984), *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [40] Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hóa Việt Nam: tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [41] Trần Quốc Vượng, Đỗ Thị Hào (2014), *Nghề thủ công truyền thống Việt Nam và các vị tổ nghề*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [42] Trần Thị Hồng Yến (2009), “Chuyển đổi nghề nghiệp ở một số xã ngoại thành Hà Nội được chuyển thành phường”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 5.
- [43] Adger, W., Kelly, P.M., Winkels, A., Le, Q.H., Locke, C. (2002), “Migration, Remittances, Livelihood Trajectories, and Social Resilience”, *AMBIO: A Journal of the Human Environment*, 31.4: 358-366.
- [44] Agergaard, J., Vu, T.T. (2010), “Mobile, Flexible, and Adaptable: Female Migrants in Hanoi’s Informal Sector”, *Population, Space and Place*, 17.5: 407-420.
- [45] Dang, N.A., Goldsteinand, S., McNally, J.W. (1997), “Internal Migration and Development in Vietnam”, *International Migration Review*, 31.2: 312-337.
- [46] Nguyen, T.A. (2010), *Kinship as Social Capital: Economic, Social and Cultural Dimensions of Changing Kinship Relations in a Northern Vietnamese Village*, Doctoral Dissertation, Vrije Universiteit Amsterdam, The Netherlands.
- [47] Rigg (2006), “Land, Farming, Livelihoods, and Poverty: Rethinking the Links in the Rural South”, *World Development*, 34.1: 180-202.
- [48] Popkin, S.L. (1979), *The Rational Peasant: The Political Economy of Rural Society in Vietnam*, University of California Press, Berkeley.
- [49] Scott (1976), *The Moral Economy of the Peasant: Rebellion and Subsistence in Southeast Asia*, Yale University Press, New Haven & London.
- [50] Taylor, P. (2004), *Goddess on the Rise: Pilgrimage and Popular Religion in Vietnam*, University of Hawaii Press, Honolulu.
- [51] <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=33908&idcm=207>
- [52] <http://www.nhandan.com.vn/cuoituan/van-nghe/item/29045902-lang-nghe-truoc-thach-thuc-hoi-nhap.html>
- [53] <http://langnghevietnam.vn/?go=New&page=d&igid=563&iid=1028>
- [54] <http://www.nhandan.com.vn/bandoc/dieu-tra-qua-thu-ban-doc/item/23515402-dan-bo-ruong-va-he-luy.html>

